Mẫu số 38-DS

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGUYÊN BÌNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2023/QĐST-DS	*Nguyên Bình, ngày 26 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 05/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bàn Thị T; sinh ngày 11/9/1989;

Nơi ĐKTT và chỗ ở: Xóm G, xã K, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

- *Bị đơn:* Chị Nghiêm Bích P; sinh ngày 24/10/1989;

Nơi ĐKTT và chỗ ở: Tổ dân phố E, thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về số tiền phải thanh toán:* Chị Nghiêm Bích P có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 120.000.000,đ *(Một trăm hai mươi triệu đồng)* đã vay cho chị Bàn Thị T. Hai bên thỏa thuận thống nhất phương thức, lãi suất, thời hạn thanh toán như sau:

- *Về phương thức thanh toán:*

+ Trước ngày 25/5/2023, chị Nghiêm Bích P có trách nhiệm thanh toán cho chị Bàn Thị T số tiền nợ gốc là 20.000.000,đ *(Hai mươi triệu đồng)*, hình thức thanh toán chuyển khoản.

+ Từ ngày 01/6/2023 đến hết ngày 31/12/2023: Mỗi tháng chị Nghiêm Bích P có trách nhiệm thanh toán cho chị Bàn Thị T số tiền 1.000.000,đ *(Một triệu đồng)* tiền nợ gốc và tiền lãi trên số nợ gốc còn lại theo mức lãi suất 0.8%/tháng. Thời hạn trả là ngày 20 hàng tháng, hình thức thanh toán chuyển khoản.

+ Từ ngày 01/01/2024 cho đến khi hết số nợ còn lại phải thanh toán: Mỗi tháng chị Nghiêm Bích P có trách nhiệm thanh toán cho chị Bàn Thị T số tiền 2.000.000,đ *(Hai triệu đồng)* tiền nợ gốc và tiền lãi trên số nợ gốc còn lại theo mức lãi suất 0.8%/tháng. Thời hạn trả là ngày 20 hàng tháng, hình thức thanh toán chuyển khoản.

Trường hợp chị Nghiêm Bích P vi phạm bất cứ thời hạn trả nợ nào thì chị Bàn Thị T được quyền yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền mà chị P chưa trả.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- *Về án phí:* Công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Bàn Thị T và chị Nghiêm Bích P mỗi người phải nộp 1.500.000,đ đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền án

phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Chị Bàn Thị T là đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí. Chị Nghiêm Bích P phải nộp số tiền án phí 1.500.000,đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng).*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu Lịch

Mẫu số 38-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../...../QĐST-..... [2]	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	...., ngày..... tháng ..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày…..tháng……năm ….. về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:…/…./TLST-.....[3] ngày…tháng… năm.....

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:[4]

……..……..….....

……..…….....

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:[5]

……..…….....

……..…….....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).